

Dĩ An, ngày 02 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Kiều Thị Uyên.

Thư ký phiên họp: Bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố D mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 311/2024/TLST-VLĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 168/2024/QĐST-LĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1987; thường trú: Số A chung cư T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty Cổ phần Đ (nay là Công ty Cổ phần Đ1); Địa chỉ: Số E đường X, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Nguyễn Hữu M1, sinh năm 1967; địa chỉ: Số G đường số A khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 01/3/2024). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D1, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông Dương Văn T; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D1, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/12/2024). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu ngày 02/12/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng người yêu cầu bà Nguyễn Thị D trình bày:

Từ năm 2006 đến năm 2014 bà D có làm việc tại Công ty TNHH A, địa chỉ: số A, đường số B, khu công nghiệp S, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Bà có đóng bảo hiểm xã hội số: 9106067764. Nay bà Nguyễn Thị D tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà D bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm: là do em họ của bà D tên Nguyễn Thị M, sinh năm 1992 sử dụng thông tin của bà để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty cổ phần Đ (nay là Công ty Cổ phần Đ1) khoảng từ tháng 10/2008 đến tháng 5/2009, tham gia bảo hiểm xã hội số 7408285199. Đồng thời gian đó, bà D giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH A, địa chỉ: số A, đường số B, khu công nghiệp S, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương đến 2014 thì bà D nghỉ việc.

Do đó, bà D bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 10/2008 đến tháng 5/2009 tương đương với thời gian bà Nguyễn Thị M mượn hồ sơ lao động của bà D.

Vào thời điểm năm 2008, bà Nguyễn Thị M chưa đủ 18 tuổi, không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động. Bà Nguyễn Thị M là chị em họ của bà D nên bà D đã hỗ trợ bà Nguyễn Thị M mượn thông tin cá nhân làm hồ sơ lao động. Vì không hiểu biết về pháp luật, chỉ nghĩ đến cách tìm kế sinh nhai nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay.

Vì vậy, nay bà D có yêu cầu: TUYÊN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG GIỮA BÀ NGUYỄN THỊ D VỚI MÃ SỐ BẢO HIỂM XÃ HỘI: 7408285199 VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN Đ1 VÔ HIỆU.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần Đ1 do ông Nguyễn Hữu M1 là người đại diện hợp pháp trình bày:

Tất cả người lao động khi xin việc tại Công ty phải có hồ sơ xin việc, sơ yếu lý lịch đầy đủ và phải có xác nhận của chính quyền địa phương thì mới được nhận vào làm việc tại Công ty. Do người lao động tại công ty rất đông, Công ty căn cứ hồ sơ hợp lệ của người lao động để ký hợp đồng theo quy định. Ngoài ra Công ty không thể xác định được chính xác người lao động có phải đúng nhân thân như hồ sơ hay không bởi vì hình ảnh trên chứng minh nhân dân được cấp thời gian lâu có thể không giống hoàn toàn với người lao động tại thời điểm xin việc. Khi người lao động vào làm việc thì Công ty phải tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động đó theo quy định.

Theo các dữ liệu được lưu trữ trên dữ liệu máy tính của Công ty Cổ Phần Đ1 thì vào tháng 10/2008, công ty Cổ phần Đ có tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1987, số CMND 172622382. Bà D làm việc với vai trò công nhân, thời gian làm việc theo như quy định của nội quy lao động công ty. Đến tháng 6/2009, bà D nghỉ việc tại công ty và cho đến nay công ty đã chốt sổ bảo hiểm cho bà D.

Tòa án yêu cầu công ty cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan người lao động Nguyễn Thị D, tuy nhiên vì thời gian người lao động nghỉ việc đã hơn 15 năm đồng thời Công ty Đ đã sáp nhập với Công ty Cổ phần Đ1 từ năm 2019 nên công ty không còn lưu trữ hồ sơ chứng từ gốc, hồ sơ bà D, chỉ còn dữ liệu trên máy tính.

Nay người lao động cho rằng có sự việc bà Nguyễn Thị D cho em bà là bà Nguyễn Thị M sử dụng thông tin của bà D để ký kết hợp đồng lao động với Công ty. Việc người khác sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà D để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ Phần Đ1 là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập

giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó việc bà D yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị D (do người khác giả mạo tên) với Công ty Cổ Phần Đ1 thì Công ty đồng ý với yêu cầu của bà D.

Về việc ký lại hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị M trong thời gian thực tế bà M làm việc cho Công ty thì công ty không đồng ý.

Đối với các chế độ của bà D sau khi nghỉ việc, công ty đã giải quyết đầy đủ cho bà D vì vậy công ty không có yêu cầu gì trong vụ việc này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương do ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty Cổ phần Đ1 cho người lao động thì Công ty Cổ phần Đ1 có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1987, số CCCD 038187038591, với mã số BHXH 7408285199 từ tháng 10/2008 đến tháng 5/2009 tại Công ty Cổ phần Đ (nay là Công ty Cổ phần Đ1) chưa nhận trợ cấp BHXH một lần.

Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị D, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Nguyễn Thị D và Công ty Cổ phần Đ1, đề nghị Tòa án căn cứ Điều 9, 10, 11 Nghị định 145/2020/NĐ-CP quy định về xử lý hợp đồng vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Về các yêu cầu khác của bà Nguyễn Thị Diệu P Bảo hiểm xã hội Thành phố D, tỉnh Bình Dương không có ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M:

Vào thời điểm 2008, bà Nguyễn Thị M chưa đủ 18 tuổi nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động, do không hiểu biết về mặt pháp luật nên bà M đã mượn hồ sơ và thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thị D để làm hồ sơ lao động.

Bà M đã mượn thông tin cá nhân của chị mình là bà Nguyễn Thị D và đã làm việc tại Công ty Cổ phần Đ (nay là Công ty Cổ phần Đ1). Do đó, bà M đã bị đóng trùng bảo hiểm với bà Nguyễn Thị D từ tháng 10/2008 đến tháng 5/2009.

Nay, bà M đồng ý và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị D về việc Tuyên Hợp đồng lao động từ tháng 10/2008 đến tháng 5/2009 giữa bà Nguyễn Thị D và Công ty Cổ phần Đ1 vô hiệu.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm

tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị D, Công ty Cổ phần Đ1, Đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố D, bà Nguyễn Thị M có yêu cầu giải quyết vắng mặt căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: Trong thời gian từ tháng 10/2008 đến tháng 5/2009, người lao động tên Nguyễn Thị D, sinh năm 1987, số CCCD 038187038591, được Công ty Cổ phần Đ1 tham gia BHXH, BHYT, BHTN với mã số BHXH 7408285199. Quan hệ lao động giữa Công ty Cổ phần Đ1 và bà Nguyễn Thị Diệu phát S từ hợp đồng lao động tháng 10/2008. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị M thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ1 và thực tế làm việc tại Công ty Cổ phần Đ1 trong khoảng thời gian từ tháng 10/2008 đến tháng 5/2009 theo hợp đồng lao động là bà Nguyễn Thị M, không phải bà Nguyễn Thị D, do bà M mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của bà D để đi làm việc. Đối với bà D trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công ty A. Mục đích mượn giấy tờ là để bà M có việc làm do thời gian này bà M chưa đủ 18 tuổi. Trình bày của bà D và bà M phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 10/2008 đến tháng 5/2009 bà Nguyễn Thị D có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần Đ1 và từ năm 2006 đến năm 2014 bà Nguyễn Thị D có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH A. Xét thấy việc bà M lấy tên bà D để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó việc bà Nguyễn Thị D yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị D (do bà Nguyễn Thị M mượn tên) với Công ty Cổ phần Đ1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị Diệu B trùng từ tháng 10/2008 đến tháng 5/2009. Do đó, bà Nguyễn Thị D yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đ1 với bà D (do bà M sử dụng thông tin của bà D để ký) có cơ sở chấp nhận.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: bà Nguyễn Thị D phải chịu theo quy định.

[6] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 15, 16, 49 của Bộ luật lao động;

Điều 149, 367, 401, 402 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị Diệu

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1987 thường trú: Số A chung cư T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (do bà Nguyễn Thị M ký kết, mã số BHXH 7408285199) với Công ty Cổ phần Đ1 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0007504 ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- Các đương sự (04);
- Lưu :VT, hồ sơ vụ án (02).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Kiều Thị Uyên